

Bản án số: 37/2022/DS-ST

Ngày: 13 - 9 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhân.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Ngô Thị Muỗi

Ông Trương Thoại Lượng

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Tú Lệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2022/TLST-DS ngày 08/6/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2022/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Lâm Hoàng N**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh S (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Việt T**, sinh năm 1992. Địa chỉ: Số 184, ấp G, xã A, huyện C, tỉnh S (có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lâm Hoàng N trình bày :*

Ông Lâm Hoàng N và bà Nguyễn Việt T quen biết nhau như bạn bè, trong quá trình tìm hiểu từ cuối năm 2020 bà T có kể gia đình khó khăn, mẹ bà T và em trai của bà T bị bệnh nên bà T đã cầm bằng khoán và vay tiền chữa bệnh cho mẹ và vay của một người hàng xóm số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để chữa bệnh cho em trai.

Do thấy gia đình bà T khó khăn nên ông đã giúp bà T với những khoản tiền và khoản thời gian như sau:

- Khoảng tháng 01/2021 ông đưa bà T 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), lý do: Mẹ của bà T đi khám bệnh.

- Cũng trong tháng 01/2021 ông đưa cho bà T 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng), lý do: Trinh đóng lãi ngân hàng và đóng hụi.

- Tháng 02/2021 ông đưa cho bà T 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để bà T chuộc lắc vàng mà bà T đã cầm trước đó.

- Cũng thời gian này bà T phải trả nợ vay của người hàng xóm 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Do bà T không thể đứng tên vay ngân hàng nên ông đã đứng tên vay tiền đưa cho bà T với 02 khoản vay như sau:

+ Ngày 01/4/2021 vay bên ngoài (có giấy vay nợ): 20.000.000 đồng với lãi suất 2.000.000 đồng/tháng.

+ Ngày 30/4/2021 vay ngân hàng FE: 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng)

Ông đã đưa trực tiếp cho bà T số tiền 35.000.000 đồng này cho bà T tại nhà bà T.

- Khoảng tháng 7/2021 bà T nói có người khởi kiện bà T vì thiếu 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng) nên ông đã mượn của người khác 6.000.000 đồng đưa bà T trả nợ để không bị kiện.

- Khoảng tháng 8/2021 do tình hình dịch bệnh, bà T không đi làm, không có tiền sinh hoạt nên ông chuyển khoản cho bà T 03 lần với số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng)

- Tháng 10/2021 ông đưa bà T 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng), lý do đóng lãi ngân hàng.

- Tháng 11/2021 ông đưa bà T số tiền 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm ngàn), lý do: Đóng lãi ngân hàng.

Tổng cộng ông đã cho bà Nguyễn Việt T mượn tổng cộng 61.500.000 đồng.

Các khoản tiền này do ông trực tiếp đưa tiền mặt cho bà T, chỉ trừ 3 lần trong tháng 8/2021 do dịch phải giãn cách xã hội nên ông chuyển khoản.

Tuy không có giấy tờ nhận nợ do bà T ký nhưng ông còn đủ những tin nhắn trên zalo do bà T nhắn tin kể hoàn cảnh và nhờ ông giúp và giấy vay nợ do ông đứng tên vay dùm cho bà T.

Sau thời gian này, giữa ông và bà T xảy ra mâu thuẫn nên ông yêu cầu bà T trả lại cho ông các khoản tiền nêu trên nhưng bà T và gia đình bà T đòi phải có giấy nợ do chính bà T ký tên mới trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Việt T trả lại cho ông số tiền là 61.500.000 đồng (Sáu mươi một triệu, năm trăm nghìn đồng) đã mượn của ông và không yêu cầu bà T trả lãi.

*Theo tờ trình ngày 04/7/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Việt T trình bày:*

Bà và ông Lâm Hoàng N có quen biết qua mạng xã hội, khi quen biết, tìm hiểu nhau thì bà có nhắn tin chia sẻ những việc xảy ra chung quanh cuộc sống, bà có than thở về hoàn cảnh gia đình bà khó khăn.

Ông Lâm Hoàng N nói là có đưa cho bà mượn số tiền là 61.500.000 đồng là hoàn toàn không có, ông N cho rằng bà mượn số tiền 61.500.000 đồng này thì ông N có giấy tờ gì để thể hiện là cho bà mượn 61.500.000 đồng hay không? Còn việc ông N đi vay bên ngoài, vay ngân hàng FE là ông N tự đi vay, tự chi xài, chứ ông N không có đưa cho bà những khoản tiền này. Bà chỉ thừa nhận là vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2021 khi giãn cách xã hội do dịch Covid-19 thì ông N có chuyển khoản cho bà 3 lần với tổng số tiền là 2.000.000 đồng. Ngoài số tiền này ra thì bà không có nhận bất cứ số tiền nào của ông Lâm Hoàng N nữa. Bà chỉ đồng ý trả cho ông N số tiền là 2.000.000 đồng, ngoài ra bà không đồng ý trả cho ông N bất cứ khoản tiền nào khác.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **Về tố tụng:**

[1] Theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Lâm Hoàng N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Việt T trả lại số tiền 61.500.000 đồng đã mượn của nguyên đơn, không yêu cầu trả lãi. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Bị đơn bà Nguyễn Việt T cư trú tại ấp G, xã A, huyện C, tỉnh S. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Do các bên không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên Tòa án không đặt ra xem xét về thời hiệu khởi kiện.

#### **Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hoàng N yêu cầu bà Nguyễn Việt T phải trả lại cho ông số tiền là 61.500.000 đồng đã mượn của ông, không yêu cầu trả lãi thì thấy rằng: Ông Lâm Hoàng N cho rằng do là chỗ quen biết nên ông đã cho bà Nguyễn Việt T mượn tiền nhiều lần trong năm 2021 với tổng số tiền là 61.500.000 đồng. Tuy nhiên, phía bị đơn bà Nguyễn Việt T chỉ thừa nhận là có mượn của ông Lâm Hoàng N số tiền là 2.000.000 đồng, ngoài ra bà không có mượn của ông Lâm Hoàng N khoản tiền nào khác. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lâm Hoàng N

không cung cấp được các giấy tờ, biên nhận để chứng minh là bà Nguyễn Việt T có mượn của ông số tiền 61.500.000 đồng.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về nghĩa vụ chứng minh như sau:

*“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp.....*

*4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”*

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*.

Do ông Lâm Hoàng N không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà Nguyễn Việt T có nợ của ông số tiền 61.500.000 đồng, trong khi bị đơn bà Nguyễn Việt T chỉ thừa nhận là có nợ của ông Lâm Hoàng N số tiền là 2.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông N số tiền này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng N, buộc bà Nguyễn Việt T trả lại cho ông Lâm Hoàng N số tiền là 2.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng N, buộc bà Nguyễn Việt T có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền là 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng N về việc yêu cầu bà Nguyễn Việt T trả lại cho ông số tiền là 59.500.000 đồng.

[6] Về án phí sơ thẩm:

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Do một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được Tòa án chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.975.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số:

326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Vì các lẽ trên;**

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

**1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Hoàng N.**

1.1. Buộc bị đơn bà Nguyễn Việt T phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Lâm Hoàng N số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

1.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.3. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Hoàng N về việc yêu cầu bà Nguyễn Việt T trả lại cho ông số tiền là 59.500.000 đồng.

#### **2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bị đơn bà Nguyễn Việt T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng)

Nguyên đơn ông Lâm Hoàng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 2.975.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.537.500 đồng (Một triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003140 ngày 17/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông Lâm Hoàng N còn phải nộp thêm số tiền là 1.437.500 đồng (Một triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn năm trăm đồng)

**3. Báo các đương sự biết, án xử sơ thẩm công khai có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết) để xin Tòa án cấp trên xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.**

**4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành**

án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhân:**

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Nhân**